

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 5731/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/12/2024

V/v Ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bình Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1995/2024/HNST ngày 01 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 9583/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số I Đường số I, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Ngô Thành T1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số I Đường số I, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Ngô Thành T1 đã kết hôn vào năm 2007 có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, (quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông T1 không có trách nhiệm với gia đình, vũ phu từ đó cuộc sống, chung không mang lại hạnh phúc. Hai bên đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Bà và ông T1 đã ngồi lại nói

chuyện nhưng tình hình vẫn không thay đổi. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Ngô Ngọc Khánh H, sinh ngày 25/11/2009 và Ngô Ngọc Bảo P, sinh ngày 05/5/2016. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và tại các buổi hòa giải ông Ngô Thành T1 trình bày: Ông xác nhận giai đoạn đi đến hôn nhân đúng như bà T trình bày. Theo ông cuộc sống chung hạnh phúc bình thường, tuy nhiên vợ chồng cũng có mâu thuẫn chủ yếu là do bức bối nên ông bà có xô xát nhau. Ông bà đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay, tuy nhiên ông xác định tình cảm vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn, ông mong muốn đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Ngô Ngọc Khánh H, sinh ngày 25/11/2009 và Ngô Ngọc Bảo P, sinh ngày 05/5/2016. Sau khi ly hôn đồng ý giao 02 người con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn và nuôi con, bà không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn ông Ngô Thành T1 không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm. Nếu phải ly hôn, ông đồng ý giao 02 người con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T1 không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Thành T1 tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 168 ngày 22/10/2007 do Ủy ban nhân dân phường L, quận T, (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại tòa, cả bà T và ông T1 thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, bà T cho rằng nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông T1 không có trách nhiệm với gia đình, vũ phu, kiểm soát bà, vợ chồng thường xuyên cãi vã, từ đó cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc. Ông T1 mặc dù xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng tình cảm vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng là có và hiện nay các bên vẫn còn mâu thuẫn, chứng tỏ ông bà không có khả năng giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong thực tế cuộc sống vợ chồng. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy ông bà đã ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay, mâu thuẫn giữa các bên là không thể giải quyết, sự tin tưởng lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không mang lại hạnh phúc, bà T cương quyết không đoàn tụ với ông T1 vì tình cảm không còn, vì vậy căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà T về việc xin ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Thành T1 xác định có 02 người con chung tên Ngô Ngọc Khánh H, sinh ngày 25/11/2009 và Ngô Ngọc Bảo P, sinh ngày 05/5/2016. Bà T và ông T1 đều thống nhất giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy; hiện nay 02 người con chung đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của ông T1 đồng ý giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy căn cứ vào Điều 58, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Ngô Ngọc Khánh H, sinh ngày 25/11/2009 và Ngô Ngọc Bảo P, sinh ngày 05/5/2016 của bà T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận ý kiến của bà T không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đúng quy định.

Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015. Bà T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Khoản 2 Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Ngô Thành T1.

1.2 Về con chung: Có 02 người con chung tên Ngô Ngọc Khánh H, sinh ngày 25/11/2009 và Ngô Ngọc Bảo P, sinh ngày 05/5/2016.

Giao người 02 người con chung tên Ngô Ngọc Khánh H, sinh ngày 25/11/2009 và Ngô Ngọc Bảo P, sinh ngày 05/5/2016 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3 Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Đang sự xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí số 0042475 ngày 20/9/2024. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án ND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Nguyệt

